

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18-02-2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ-ST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2019/QĐ-PT ngày 24/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A, Phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Diễm T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: bà Đỗ Thị Diễm T – Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phạm Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà Đỗ Thị Diễm T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/12/1994. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2010 vợ chồng đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Thị Thùy M, sinh ngày 29/5/1996, cháu Phạm Diệu L, sinh ngày 09/9/2003, cháu Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 29/01/2008 và cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010. Do cháu M đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu L đang sinh sống cùng ông B đến ngày 23/3/2018 thì bỏ học và bỏ nhà đi đâu không rõ, cháu Đ đang sinh sống cùng bà T. Khi ly hôn, ông B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu P đến tuổi trưởng thành. Giao con chung là cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đơn khởi kiện ông B ghi địa chỉ của bà T ở Thôn A, xã H, huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án ông B cung cấp địa chỉ mới của bà T tại đường H, thành phố Đà Lạt. Do vậy, tại Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 06/2017/QĐ-CVA ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải.

Tại bản án số 32/2018/HNGĐ-ST ngày 12/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc B về việc “xin ly hôn” với bà Đỗ Thị Diễm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc B và bà Đỗ Thị Diễm T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Diệu L, sinh ngày 09/9/2003 và Phạm Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 cho ông Phạm Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 29/01/2008 cho bà Đỗ Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông B và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2018, bị đơn bà Đỗ Thị Diễm T có đơn kháng cáo và theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 08/2018/QĐ-PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà T. Theo đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung là Phạm Diệu L, Phạm Hoàng Đ và Phạm Hoàng P, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Bà T đồng ý đưa các con đến phiên tòa phúc thẩm để các con thể hiện nguyện vọng được ở với ai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: cháu Đ và cháu P có nguyện vọng được ở với bà T, cháu L có nguyện vọng được ở với ông B. Bà T và ông B đều thống nhất giao cháu Đ và cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên cần công nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: cháu Đ và cháu P có nguyện vọng được ở với bà T, cháu L có nguyện vọng được ở với ông B. Bà T và ông B đều thống nhất giao cháu Đ và cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Từ những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Diễm T, sửa bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc B và bà Đỗ Thị Diễm T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 29/01/2008 cho bà Đỗ Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Phạm Diệu L, sinh ngày 09/9/2003 cho ông Phạm Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc của cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2015/006892 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Ông B đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Diễm T số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0008647 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND Tp. Đà Lạt (02);
- CCTHADS huyện Đức Trọng;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt